

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;
2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Thành H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 13, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc E, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 13, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Anh H có mặt tại phiên tòa; Chị Trúc E vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Thành H trình bày: Vào năm 1994, anh H và chị Nguyễn Thị Trúc E tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, không tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ ra mắt ông bà cha mẹ hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2015, quyển số

01/2015, ngày 03/11/2015. Sau khi về chung sống, anh H và chị Trúc E sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị Trúc E tại tổ 14, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, anh H và chị Trúc E chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh H và chị Trúc E sống xa nhau từ năm 2016 cho đến nay. Kể từ khi sống xa nhau, anh H đi làm và sinh sống ở tỉnh Tây Ninh, chị Trúc E cùng 03 (ba) con chung (T, V, Tr) sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Anh H và chị Trúc E chỉ liên lạc với nhau vì con chung, anh H và chị Trúc E không thể hàn gắn tình cảm gia đình vì đã sống xa nhau từ lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc E.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị Trúc E có 03 con chung tên: Phạm Thị T, sinh năm 1995 (đã trưởng thành, có khả năng lao động); Phạm Văn V, sinh năm 2001 (đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Nguyễn Thị Bích Tr, sinh ngày 04/7/2011. Hiện cháu Tr đang sống chung với chị Trúc E.

Khi ly hôn, anh H đồng ý giao cháu Tr cho chị Trúc E nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 07/12/2020 cho chị Nguyễn Thị Trúc E thông qua người thân anh Lý Văn P (em cùng mẹ khác cha với chị Trúc E) nhận thay và anh P xác nhận có thông tin cho chị Trúc E biết về việc Phạm Thành H khởi đơn kiện ly hôn với chị Trúc E tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của chị Trúc E đối với yêu cầu của anh H và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của chị Trúc E gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Trúc E vắng mặt, anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Trúc E.

Hội đồng xét xử công bố biên bản ghi nhận ý kiến của anh Lý Văn P (em cùng mẹ khác cha với chị Trúc E); Biên bản xác minh mối quan hệ hôn nhân và gia đình của anh H và chị Trúc E tại Ban khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi thường xuyên sinh sống của chị Trúc E tại Cảnh sát khu vực khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Cụ thể:

- Anh Lý Văn P (em cùng mẹ khác cha với chị Trúc E) khai: Anh P là em cùng mẹ khác cha với chị Trúc E, anh H là chồng chị Trúc E, nhà anh P gần nhà (sát vách) với nhà chị Trúc E và anh H. Anh P đã nhận thay chị Trúc E 02 (hai) văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt cho chị Trúc E là thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 07/12/2020 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/12/2020. Sau khi nhận thông báo thay cho chị Trúc E thì anh P có gọi điện thoại thông báo cho chị Trúc E hay nhưng chị Trúc E không nói gì và cũng không về nhà.

Chị Trúc E và anh H là vợ chồng, nhà anh H ở phường LP, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Sau khi chị Trúc E và anh H kết hôn thì anh H và chị Trúc E cùng nhau sinh sống tại tổ 13, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (sát vách nhà anh P) cho đến năm 2015. Thời gian sinh sống tại khóm LT B, phường LH thì anh H và chị Trúc E sống hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến khoảng năm 2015, anh H đi làm ở Tây Ninh, sau đó chị Trúc E cùng 03 (ba) người con chung của anh H và chị Trúc E đi làm ở Bình Dương cho đến nay. Từ năm 2015 cho đến nay, anh H rất ít về thăm nhà chung của vợ chồng ở khóm LT B, chị Trúc E về nhà vào những dịp Tết nguyên đán nhưng anh H cũng không ra thăm vợ, con. Anh H và chị Trúc E có 03 (ba) con chung tên: Phạm Thị T, sinh năm 1995; Phạm Văn V, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Bích Tr, sinh ngày 04/7/2011. Hiện các cháu đang sống chung với chị Trúc E ở Bình Dương, Tết nguyên đán có cùng mẹ về nhà, sau Tết lại tiếp tục lên Bình Dương làm việc (T, V), còn Bích Tr thì về Bình Dương đi học. Anh P đồng ý tiếp tục nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt thay cho chị Trúc E và anh H sẽ gọi điện thoại để thông tin cho chị Trúc E biết, chị Trúc E có về hay không là việc của chị Trúc E.

- Cảnh sát khu vực khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cung cấp: Nguyễn Thị Trúc E, sinh năm 1982, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 13, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo sổ đăng ký thường trú số 456. Hộ của chị Nguyễn Thị Trúc E gồm có 05 người, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Trúc E (chủ hộ), em Phạm Thị T, sinh năm 1995 (con chị Trúc E); Em Phạm Văn V, sinh năm 2001 (con chị Trúc E); Em Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm 2011 (con chị Trúc E) và anh Phạm Thành H, sinh năm 1979 (chồng chị Trúc E). Hiện tại, hộ gia đình chị Trúc E không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Chị Trúc E và các con chỉ về nhà vào những ngày Tết nguyên đán, sau Tết lại tiếp tục đi làm ở Bình Dương. Ở địa phương không ghi nhận việc hộ gia đình chị Trúc E vi phạm pháp luật. Thời gian sinh sống tại địa phương, chị Trúc E chấp hành tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

- Ban khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cho biết: Anh Phạm Thành H, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị Trúc E, sinh năm 1982 là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hiện tại, anh H và chị Trúc E không có mặt tại địa phương. Trong quá trình chung sống, anh H và chị Trúc E có 03 con chung tên Phạm Thị T, sinh năm 1995; Phạm Văn V, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm 2011. Hiện nay, 03 con chung của anh H và chị Trúc E không có mặt tại địa phương. Do chị Trúc E và anh H không thường xuyên sinh sống tại

địa phương nên Ban khóm cũng không biết anh H và chị Trúc E về mối quan hệ hôn nhân và gia đình như thế nào.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Vào năm 1994, anh H và chị Nguyễn Thị Trúc E tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, không tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ ra mắt ông bà cha mẹ hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2015, quyển số 01/2015, ngày 03/11/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống, anh H và chị Trúc E sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị Trúc E tại tổ 14, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, anh H và chị Trúc E chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh H và chị Trúc E sống xa nhau từ năm 2016 cho đến nay, anh H đã khởi đơn kiện ly hôn với chị Trúc E. Qua xác minh, nhận thấy tình cảm của anh H và chị Trúc E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Anh H yêu cầu ly hôn với chị Trúc E là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị Trúc E có 03 con chung tên: Phạm Thị T, sinh năm 1995 (đã trưởng thành, có khả năng lao động); Phạm Văn V, sinh năm 2001 (đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Nguyễn Thị Bích Tr, sinh ngày 04/7/2011. Hiện cháu Tr đang sống chung với chị Trúc E.

Khi ly hôn, anh H đồng ý giao cháu Tr cho chị Trúc E nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227,

Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thành H được ly hôn chị Nguyễn Thị Trúc E.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc E được nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Bích Tr, sinh ngày 04/7/2011. Anh Phạm Thành H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về án phí: Anh Phạm Thành H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Thành H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc E. Chị Trúc E có nơi cư trú: Tổ 13, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc E được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 1994, anh H và chị Trúc E tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, không tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ ra mắt ông bà cha mẹ hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2015, quyển số 01/2015, ngày 03/11/2015. Hôn nhân giữa anh H và chị Trúc E là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Sau khi về chung sống, anh H và chị Trúc E sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị Trúc E tại tổ 14, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, anh H và chị Trúc E chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm

và kinh tế, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh H và chị Trúc E sống xa nhau từ năm 2016 cho đến nay. Kể từ khi sống xa nhau, anh H đi làm và sinh sống ở tỉnh Tây Ninh, chị Trúc E cùng 03 (ba) con chung (T, V, Tr) sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Anh H và chị Trúc E chỉ liên lạc với nhau vì con chung, anh H và chị Trúc E không thể hàn gắn tình cảm gia đình vì đã sống xa nhau từ lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc E.

Biên bản (lấy lời khai) Anh Lý Văn P (em cùng mẹ khác cha với chị Trúc E) cho biết: Chị Trúc E và anh H là vợ chồng cùng nhau sinh sống tại tổ 13, khóm LT B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (sát vách nhà anh P) cho đến năm 2015. Thời gian sinh sống tại khóm LT B, phường LH thì anh H và chị Trúc E sống hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến khoảng năm 2015, anh H đi làm ở Tây Ninh, sau đó chị Trúc E cùng 03 (ba) người con chung của anh H và chị Trúc E đi làm ở Bình Dương cho đến nay. Từ năm 2015 cho đến nay, anh H rất ít về thăm nhà chung của vợ chồng ở khóm LT B, chị Trúc E về nhà vào những dịp Tết nguyên đán nhưng anh H cũng không ra thăm vợ, con.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của anh H và chị Trúc E phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Trúc E vì trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống về tình cảm và kinh tế, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh H và chị Trúc E sống xa nhau từ năm 2016 cho đến nay. Tình cảm giữa anh H và chị Trúc E không thể hàn gắn được. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh H và chị Trúc E hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị Trúc E vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy chị Trúc E chưa thật sự hàn gắn tình cảm với anh H.

Tình trạng vợ chồng anh H và chị Trúc E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho anh H. Xét, cho anh H ly hôn với chị Trúc E là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh H và chị Trúc E có 03 con chung tên 03 con chung tên: Phạm Thị T, sinh năm 1995 (đã trưởng thành, có khả năng lao động); Phạm Văn V, sinh năm 2001 (đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Nguyễn Thị Bích Tr, sinh ngày 04/7/2011. Hiện cháu Tr đang sống chung với chị Trúc E.

Khi ly hôn, anh H đồng ý giao cháu Tr cho chị Trúc E nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Xét, anh H đồng ý giao cháu Tr cho chị Trúc E nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Trúc E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Thành H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H khai tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Phạm Thành H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Chị Nguyễn Thị Trúc E không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thành H.

Anh Phạm Thành H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc E.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2015, quyền số 01/2015, ngày 03/11/2015 do Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho anh Phạm Thành H và chị Nguyễn Thị Trúc E không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc E được nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Bích Tr, sinh ngày 04/7/2011. Anh Phạm Thành H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Chị Nguyễn Thị Trúc E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Thành H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Phạm Thành H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0006516 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Anh Phạm Thành H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Trúc E không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị Trúc E là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương